

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Nguyễn Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn L, sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Lầu 5/1 số 720 đường X, khu Đ, thành phố Đ, Đà Loan; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Lầu 2 số 39 đường V, khu Q, thành phố Đ, Đà Loan; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại Đà Loan, nguyên đơn là anh Trịnh Văn L trình bày:

Anh xây dựng hạnh phúc với chị Đỗ Thị D trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 15/11/2010. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống, trong phát triển kinh tế gia đình, không thống nhất được với nhau về mọi việc

trong gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Do áp lực về kinh tế gia đình, năm 2015, chị D đi lao động nước ngoài. Đến năm 2016, anh cũng đi lao động tại Đài Loan để giải quyết khó khăn về kinh tế trong gia đình. Sau một thời gian lao động ở nước ngoài, vợ chồng ngày càng không có tiếng nói chung, mỗi người một ý dẫn đến cuộc sống gia đình ngày một bế tắc. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tình cảm nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là Trịnh Tường V, sinh ngày 20/11/2010 và Trịnh Vân N, sinh ngày 11/11/2012. Ly hôn, anh nhận nuôi các con và không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại Đài Loan, bị đơn là chị Đỗ Thị D trình bày: Chị D trình bày thống nhất với lời khai của anh L về thời gian, điều kiện kết hôn, cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, về con chung và tài sản chung. Vợ chồng hiện nay đang sống ly thân, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng và không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau. Nay, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với anh L. Chị đồng ý giao cháu Trịnh Tường V và Trịnh Vân N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị sẽ tự thỏa thuận với anh L, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, chị không yêu cầu giải quyết.

Cả anh L và chị D đều trình bày, anh chị đi lao động ở Đài Loan theo hợp đồng có thời hạn, sang năm 2024 anh chị hết hợp đồng sẽ về Việt Nam sinh sống, hiện anh chị đang ở nhà thuê do công ty Đài Loan bố trí. Anh chị đều đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng là nơi anh chị đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Việt Nam giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Do anh L và chị D đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Anh Trịnh Văn L hiện đang sinh sống tại Đài Loan có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị D hiện đang sinh

sống tại Đà Lạt. Cả hai anh chị đều thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng là nơi anh chị đăng ký thường trú và sinh sống tại Việt Nam giải quyết vụ án. Xét, anh L và chị D là công dân Việt Nam, có quốc tịch Việt Nam, xuất cảnh sang Đà Lạt để lao động theo hợp đồng có thời hạn, nơi sinh sống của anh chị ở Đà Lạt chỉ là nơi ở tạm thời không phải nơi thường trú. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là anh L và bị đơn là chị D đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L và chị D.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 15/11/2010. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị D là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện trong thời gian chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống, bất đồng trong phát triển kinh tế gia đình, không thống nhất được với nhau về mọi việc trong gia đình. Vợ chồng hiện nay đang sống ly thân, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Anh L xin ly hôn và chị D cũng đồng ý. Xét thấy, Anh L và chị D đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau, không tôn trọng nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình làm cho cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị D.

[4] Về con chung: Anh L và chị D có 02 con chung là Trịnh Tường V, sinh ngày 20/11/2010 và Trịnh Vân N, sinh ngày 11/11/2012. Ly hôn, anh L đề Tòa án giao 02 con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và chị D cũng đồng ý. Cháu V và cháu Nhi đều có nguyện vọng được ở với bố. Thực tế từ khi anh L và chị D sống ly thân, các con đều do anh L và gia đình anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Gia đình anh L cũng đề nghị Tòa án giao các con cho anh L nuôi dưỡng và cam đoan hỗ trợ anh L nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Xét thấy, việc giao cháu V và cháu Nhi cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi của các cháu, phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh L về việc nuôi con chung theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh L và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh L và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh L là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh L và chị D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Linhquyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn L được ly hôn chị Đỗ Thị D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trịnh Tường V, sinh ngày 20/11/2010 và Trịnh Vân N, sinh ngày 11/11/2012 cho anh Trịnh Văn L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh L và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000124 ngày 30/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Anh L và chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Mỹ Đức, huyện An Lão;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Luyến Đỗ Xuân Quyết

Vũ Thị Thanh Vân